

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh A, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 28, ấp D, xã E, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Chị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh A và chị B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 03/4/2018 cho chị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu C đang sống chung với chị B nên chị B được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A và chị B thống nhất anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C sinh ngày 03/4/2018, mỗi tháng là 800.000 đồng (tám trăm

ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021 cho đến khi cháu C sinh ngày 03/4/2018 đủ 18 tuổi.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh A và chị B thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. 4. Về nợ chung: Anh A và chị B thống nhất không có và không yêu cầu nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), anh A tự nguyện nộp toàn bộ. Án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh A phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện V. Anh A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000546 ngày 29 tháng 4 năm 2021, được chuyển thu án phí.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã G, huyện V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Yến

